

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

CHÍNH THỨC

25 - 01 - 2017

**CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
VINAMILK**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
NĂM 2016**

TỪ NGÀY 01/01/2016 ĐẾN NGÀY 31/12/2016

(DẠNG ĐẦY ĐỦ)

TP Hồ Chí Minh, tháng 01 - 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

NỘI DUNG

	Trang
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	03
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	09
BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	11

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT*(Dạng đầy đủ)**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016***MẪU SỐ B01-DN/HN***Đơn vị tính : VND*

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	HỢP NHẤT	
			Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A-TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		18.673.827.685.789	16.731.875.433.624
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	VI.1	655.423.095.436	1.358.682.600.684
1. Tiền	111		599.923.095.436	1.212.517.600.684
2. Các khoản tương đương tiền	112		55.500.000.000	146.165.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	VI.6	10.453.749.313.471	8.668.377.936.330
1. Chứng khoán kinh doanh	121	VI.6a	443.132.521.486	525.980.876.577
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122	VI.6a	(500.629.886)	(72.195.440.247)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	129	VI.6c	10.011.117.421.871	8.214.592.500.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.866.683.958.798	2.685.469.151.432
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	VI.2	2.191.348.458.582	2.202.396.055.303
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		288.808.403.942	126.289.719.352
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	VI.3a	390.619.273.181	359.995.340.900
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(4.168.573.420)	(3.211.964.123)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		76.396.513	-
IV. Hàng tồn kho	140	VI.7	4.521.766.382.352	3.810.095.215.771
1. Hàng tồn kho	141		4.538.439.873.598	3.827.369.319.952
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(16.673.491.246)	(17.274.104.181)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		176.204.935.732	209.250.529.407
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	VI.14a	59.288.353.847	156.056.494.506
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		116.835.557.323	53.192.367.873
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153		81.024.562	1.667.028
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
(tiếp theo)*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016***MẪU SỐ B01-DN/HN***Đơn vị tính : VND*

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	HỢP NHẤT	
			Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		10.704.828.639.675	10.746.300.510.728
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		21.855.008.176	20.898.388.770
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215		7.245.908.762	5.573.700.349
2. Phải thu dài hạn khác	216	VI.3b	14.609.099.414	15.324.688.421
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		8.321.053.086.713	8.214.134.749.497
1. Tài sản cố định hữu hình	221	VI.10	7.916.322.992.944	7.795.345.501.520
- Nguyên giá	222		14.257.738.667.127	13.059.721.039.709
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(6.341.415.674.183)	(5.264.375.538.189)
2. Tài sản cố định vô hình	227	VI.11	404.730.093.769	418.789.247.977
- Nguyên giá	228		557.891.027.713	553.684.246.456
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(153.160.933.944)	(134.894.998.479)
III. Bất động sản đầu tư	240	VI.12	136.973.382.326	142.368.204.632
- Nguyên giá	241		179.678.050.557	179.678.050.557
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		(42.704.668.231)	(37.309.845.925)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		993.111.642.018	843.679.104.973
1. Chi phí SXKD dở dang dài hạn	241	VI.8	127.671.589.409	82.393.992.187
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	VI.9	865.440.052.609	761.285.112.786
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	VI.6c	613.806.560.199	940.365.020.223
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		419.909.385.728	397.130.670.931
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		11.387.476.240	11.378.476.240
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(7.490.301.769)	(4.740.126.948)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		190.000.000.000	536.596.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		618.028.960.243	584.855.042.633
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	VI.14b	459.395.057.029	417.329.840.261
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		34.650.812.752	25.180.187.314
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269	VI.13	123.983.090.462	142.345.015.058
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (100 + 200)	270		29.378.656.325.464	27.478.175.944.352

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
(tiếp theo)*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016***MẪU SỐ B01-DN/HN***Đơn vị tính : VND*

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	HỢP NHẤT	
			Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A- NỢ PHẢI TRẢ	300		6.972.707.036.879	6.554.260.196.767
I. Nợ ngắn hạn	310		6.457.497.982.894	6.004.316.835.213
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	VI.15	2.561.910.262.979	2.193.602.809.261
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		35.951.866.026	19.882.391.510
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	VI.17	255.510.130.860	215.807.811.014
4. Phải trả người lao động	314		192.349.429.102	452.476.117.228
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	VI.18	1.025.974.683.705	593.485.587.927
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	VI.19a	3.360.079.979	1.350.893.817
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	VI.20a	592.099.957.922	644.468.337.067
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	VI.16	1.332.666.200.200	1.475.358.507.208
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	VI.21a	889.995.571	2.420.017.605
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	VI.22	456.785.376.550	405.464.362.576
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		515.209.053.985	549.943.361.554
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	VI.19b	1.663.272.218	2.598.840.218
7. Phải trả dài hạn khác	337	VI.20b	589.208.918	2.814.519.233
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	VI.16	326.970.398.182	368.170.178.853
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		90.025.589.500	89.034.118.250
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	VI.21b	95.960.585.167	87.325.705.000
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
(tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU SỐ B01-DN/HN

Đơn vị tính : VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	HỢP NHẤT	
			Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	VI.23	22.405.949.288.585	20.923.915.747.585
I. Vốn chủ sở hữu	410		22.405.949.288.585	20.923.915.747.585
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		14.514.534.290.000	12.006.621.930.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		14.514.534.290.000	12.006.621.930.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		260.699.620.761	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(1.176.335.920)	(5.388.109.959)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		5.654.693.453	8.329.599.322
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.797.019.925.588	3.291.207.229.973
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		5.591.831.510.779	5.391.795.573.082
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		2.928.776.175.324	3.154.335.500.192
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		2.663.055.335.455	2.237.460.072.890
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		237.385.583.924	231.349.525.167
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (300 + 400)	440		29.378.656.325.464	27.478.175.944.352

Lập ngày 25 tháng 01 năm 2017,

Người lập

Q. Giám đốc Điều hành Tài Chính
kiểm Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Đức Diệu Thơ

Lê Thành Liêm

Mai Kiều Liên

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT*Quý IV và lũy kế năm 2016***MẪU SỐ B02-DN/HN***Đơn vị tính : VND*

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VII.1	11.838.267.527.921	10.353.908.426.479	46.965.003.101.825	40.222.599.525.948
2. Các khoản giảm trừ	3	VII.1	(30.656.778.415)	(38.996.898.159)	(170.663.701.551)	(142.215.015.202)
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 + 03)	10	VII.1	11.807.610.749.506	10.314.911.528.320	46.794.339.400.274	40.080.384.510.746
4. Giá vốn hàng bán	11	VII.2	(6.327.315.699.575)	(5.898.524.081.587)	(24.458.633.395.995)	(23.817.969.568.510)
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 + 11)	20		5.480.295.049.931	4.416.387.446.733	22.335.706.004.279	16.262.414.942.236
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VII.3	194.133.215.944	155.171.921.437	722.560.775.263	648.981.742.038
7. Chi phí tài chính	22	VII.4	(33.702.023.732)	(25.345.170.807)	(102.450.313.571)	(162.840.107.939)
<i>Trong đó : Chi phí lãi vay</i>	23		<i>(19.574.144.919)</i>	<i>(8.538.729.589)</i>	<i>(46.499.350.049)</i>	<i>(31.277.451.964)</i>
8. Phần lãi / (lỗ) trong liên doanh	24		(6.270.069.878)	(8.199.676.462)	16.478.714.797	12.898.974.260
9. Chi phí bán hàng	25	VII.7	(3.192.490.113.496)	(1.753.941.065.481)	(10.758.752.992.255)	(6.257.506.620.133)
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VII.7	(296.402.762.521)	(555.475.193.234)	(1.053.251.528.978)	(1.232.722.578.041)
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21+22) + 24 + (25+26)}	30		2.145.563.296.248	2.228.598.262.186	11.160.290.659.535	9.271.226.352.421
12. Thu nhập khác	31	VII.5	94.658.510.605	57.090.667.643	182.321.601.244	166.272.240.339
13. Chi phí khác	32	VII.6	(36.051.875.486)	123.742.634	(104.985.689.883)	(70.357.536.375)
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 + 32)	40		58.606.635.119	57.214.410.277	77.335.911.361	95.914.703.964

CONG TY CO PHAN SUA VIET NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

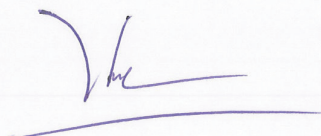
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

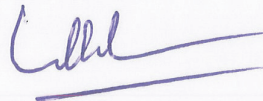
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		2.204.169.931.367	2.285.812.672.463	11.237.626.570.896	9.367.141.056.385
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		(377.978.824.943)	(205.263.128.400)	(1.883.267.418.844)	(1.471.975.323.593)
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		2.096.140.601	(179.973.335.784)	9.470.625.438	(125.612.981.095)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 + 51 + 52)	60		1.828.287.247.025	1.900.576.208.279	9.363.829.777.490	7.769.552.751.697
Phân bổ cho :						
Cổ đông thiểu số			(676.593.137)	4.501.721.373	13.500.647.107	(3.856.879.546)
Cổ đông của Công ty mẹ			1.828.963.840.162	1.896.074.486.906	9.350.329.130.383	7.773.409.631.243
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		VII.8	1.136	1.185	5.831	4.864

(Số liệu năm 2015 đã được kiểm toán)

Người lập



Nguyễn Đức Diệu Thơ

Q. Giám đốc điều hành Tài chính kiêm
Kế toán trưởng


Lê Thành Liêm

Lập ngày 25 tháng 01 năm 2017,



Tổng Giám đốc

Mai Kiều Liên

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT*(Theo phương pháp gián tiếp)***Năm 2016****MẪU SỐ B03-DN/HN***Đơn vị tính: VND*

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	1		11.237.626.570.896	9.367.141.056.385
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		1.190.837.007.934	1.097.075.552.739
- Các khoản dự phòng	03		24.851.964.200	9.746.294.608
- (Lãi) / lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(1.318.867.186)	3.971.846.156
- (Lãi) / lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(634.980.654.461)	(541.097.609.349)
- Chi phí lãi vay	06	VII.4	46.499.350.049	31.277.451.964
- Các khoản điều chỉnh khác			-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8		11.863.515.371.432	9.968.114.592.503
- (Tăng) / giảm các khoản phải thu	9		(183.074.482.860)	165.561.724.757
- (Tăng) / giảm hàng tồn kho	10		(1.036.885.160.204)	(498.539.245.611)
- Tăng / (giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		330.394.544.447	484.339.606.582
- (Tăng) / giảm chi phí trả trước	12		84.053.128.168	(35.873.901.754)
- (Tăng) / Giảm chứng khoán kinh doanh	13		11.421.007.510	124.141.507.400
- Tiền lãi vay đã trả	14		(34.203.620.310)	(27.330.327.473)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	VI.17	(1.771.242.504.991)	(1.805.610.651.275)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(874.196.976.859)	(715.652.197.441)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		8.389.781.306.333	7.659.151.107.688
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.141.612.752.349)	(1.067.841.221.053)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		50.326.954.998	44.000.581.044
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(1.450.339.912.900)	(1.499.442.450.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ	24		-	1.977.370.985

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
của đơn vị khác				
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(8.100.000.000)	(80.161.500.899)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		1.800.000.000	13.902.241.885
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		602.139.063.443	460.883.543.055
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.945.786.646.808)	(2.126.681.434.983)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		354.965.040.720	-
2. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của cổ đông thiểu số	31		-	107.476.398.854
3. Tiền chi trả vốn góp cho chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu doanh nghiệp đã phát hành	32		(69.321.694.349)	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	VI.16	4.071.885.136.592	3.973.222.371.269
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	VI.16	(4.260.046.315.599)	(3.782.739.882.737)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(7.238.478.492.000)	(6.002.261.574.354)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(7.140.996.324.636)	(5.704.302.686.968)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		(697.001.665.111)	(171.833.014.263)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		1.358.682.600.684	1.527.875.428.216
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(35.888.530)	(2.278.224.319)
Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá khi chuyển đổi báo cáo tài chính của cơ sở nước ngoài	62		(6.221.951.607)	4.918.411.050
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70		655.423.095.436	1.358.682.600.684

Lập ngày 25 tháng 01 năm 2017,

Người lập

Q. Giám đốc điều hành Tài Chính
kiểm Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Đức Diệu Thơ

Lê Thành Liêm

Mai Kiều Liên



BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

(Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN :

1. Hình thức sở hữu vốn:

Các thời điểm quan trọng liên quan đến việc hình thành và phát triển của Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn) :

- + Ngày 29/04/1993: Công ty Sữa Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 420/CNN/TCLD của Bộ Công Nghiệp Nhẹ theo loại hình Doanh Nghiệp Nhà Nước .
- + Ngày 01/10/2003: Công ty được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà Nước của Bộ Công Nghiệp theo Quyết định 155/2003/QĐ-BCN.
- + Ngày 20/11/2003: Công ty đăng ký trở thành một Công Ty Cổ Phần và bắt đầu hoạt động theo Luật Doanh Nghiệp Việt Nam và được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP HCM cấp Giấy phép đăng ký kinh doanh số 4103001932.
- + Ngày 28/12/2005: Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép niêm yết số 42/UBCK-GPYN.
- + Ngày 19/01/2006: Cổ phiếu của Công Ty được niêm yết trên Thị trường chứng khoán TP HCM.
- + Ngày 12/12/2006 : Công ty TNHH 1 Thành Viên Đầu Tư Bất Động Sản Quốc Tế thành lập theo Giấy phép kinh doanh số: 4104000260 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư TP Hồ Chí Minh cấp.
- + Ngày 14/12/2006: Công ty TNHH 1 Thành Viên Bò sữa Việt Nam được thành lập theo Giấy phép kinh doanh số: 150400003 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Tuyên Quang cấp.
- + Ngày 26/02/2007: Công ty Cổ Phần Sữa Lam Sơn được thành lập theo Giấy phép kinh doanh số: 2603000521 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Thanh Hóa cấp.
- + Ngày 24/06/2010 : Công ty Cổ Phần Sữa Lam Sơn được chuyển đổi thành Công ty TNHH Một Thành Viên Sữa Lam Sơn.
- + Ngày 30/09/2010 : Công ty TNHH 1 Thành Viên Sữa Dielac được đăng ký thành lập dựa trên đăng ký lại từ Công ty TNHH Thực phẩm F&N Việt Nam theo Giấy chứng nhận đầu tư số 463041000209, do Ban quản lý Khu Công Nghiệp Việt Nam - Singapore cấp.
- + Ngày 18/9/2012, Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam đã ra quyết định số 2482/QĐ-CTS.KSNB/2012 về việc giải thể Công ty TNHH Một Thành viên Sữa Dielac để thành lập chi nhánh trực thuộc Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam. Vào ngày 25 tháng 9 năm 2012, Ban Quản lý

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

KCN Việt Nam-Singapore cũng ra quyết định số 37/QĐ-BQL về việc chấm dứt hoạt động của Công ty TNHH Một thành viên Sữa Dielac. Trong tháng 7 năm 2013, Công ty TNHH Một thành viên Sữa Dielac đã hoàn tất thủ tục giải thể doanh nghiệp.

- + Ngày 21/10/2013 : Công ty TNHH Bò Sữa Thống Nhất Thanh Hóa được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2801971744 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp
- + Ngày 06/12/2013, Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam đã nhận được giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 663/BKHĐT-ĐTRNN do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp, đầu tư vào Công ty Driftwood Dairy Holdings Corporation tại Bang California, Hoa Kỳ. Tại ngày 31/12/2013, Công ty đã hoàn tất thủ tục chuyển tiền đầu tư 7.000.000,00 USD và nắm giữ 70% vốn chủ sở hữu tại Công ty Driftwood Dairy Holdings Corporation.
- + Ngày 06/01/2014, Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam đã nhận được giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 667/BKHĐT-ĐTRNN do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp, đầu tư vào Công ty TNHH Sữa Angkor tại Phnompenh, Campuchia với tỷ lệ 51%.
- + Ngày 30/5/2014, Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam đã nhận được giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 709//BKHĐT-ĐTRNN do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp, để thành lập Vinamilk Europe sp.z.o.o tại Ba Lan do Vinamilk sở hữu 100% vốn.
- + Ngày 24/02/2014, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam đã ra nghị quyết giải thể Công ty TNHH Một thành viên Bất động sản Quốc tế. Ngày 14 tháng 01 năm 2015, Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh đã ra thông báo số 14191/15 giải thể Công ty TNHH Một thành viên Bất động sản Quốc tế.
- + Ngày 19/5/2016, Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam đã nhận được giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 201600140 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp, phê duyệt tăng vốn đầu tư thêm ba (03) triệu đô la Mỹ vào Driftwood Dairy Holdings Corporation. Tại ngày 30/6/2016, Công ty đã hoàn tất thủ tục chuyển tiền đầu tư, nâng tổng số vốn đầu tư lên mười (10) triệu đô la Mỹ và tăng tỷ lệ sở hữu tại Driftwood Dairy Holdings Corporation từ 70% lên 100%.

2. Ngành nghề kinh doanh:

Theo Giấy phép đăng ký kinh doanh, Tập đoàn được phép thực hiện các lĩnh vực và ngành nghề như sau:

- a. Sản xuất và kinh doanh bánh, sữa đậu nành, nước giải khát, sữa hộp, sữa bột, bột dinh dưỡng và các sản phẩm từ sữa khác;
- b. Kinh doanh thực phẩm công nghệ, thiết bị phụ tùng, vật tư, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), nguyên liệu;
- c. Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (theo quy định tại điều 11.3 Luật Kinh doanh Bất động sản năm 2014)

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

- d. Kinh doanh kho, bến bãi;
- e. Vận tải hàng hóa nội bộ bằng ô tô phục vụ cho hoạt động sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của công ty
- f. Sản xuất, mua bán rượu, bia, đồ uống không cồn, nước khoáng, thực phẩm chế biến, chè uống, cà phê rang-xay-phin-hòa tan (không sản xuất chế biến tại trụ sở);
- g. Sản xuất và mua bán bao bì, sản phẩm nhựa (không hoạt động tại trụ sở);
- h. Phòng khám đa khoa (không hoạt động tại trụ sở);
- i. Chăn nuôi, trồng trọt

3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn là 12 tháng.

4. Cấu trúc Tập đoàn:

Tại thời điểm 31/12/2016, Tập đoàn có Công ty con, Liên doanh, liên kết và đơn vị trực thuộc như sau:

+ Công ty con	Hoạt động chính	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ quyền biểu quyết
– Công ty TNHH Một Thành viên Sữa Lam Sơn	Sản xuất sữa	100%	100%
– Công ty TNHH Một Thành viên Bò Sữa Việt Nam	Chăn nuôi bò sữa	100%	100%
– Công ty TNHH Bò Sữa Thống Nhất Thanh Hóa	Sản xuất sữa, chăn nuôi	96,11%	96,11%
– Công ty Cổ phần Sữa Driftwood	Sản xuất sữa	100%	100%
– Công ty TNHH Sữa Angkor	Sản xuất sữa	51%	51%
– Công ty Vinamilk Europe sp.z.o.o	Bán buôn nguyên liệu sữa, động vật sống	100%	100%
+ Công ty liên kết:			
– Công ty CP Nguyên liệu thực phẩm Á Châu Sài Gòn	Sản xuất nguyên liệu sữa	15%	15%
– Công ty TNHH Miraka	Sản xuất sữa	22,81%	22,81%
– Công ty CP Apis	Bán buôn nguyên liệu thực phẩm	18%	18%

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

+ Đơn vị trực thuộc:

Các chi nhánh bán hàng:

- 1/ CN Công ty CP Sữa Việt Nam tại Hà Nội - Tầng 11, Tháp B, Tòa nhà Handi Resco, 521 Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, TP Hà Nội.
- 2/ CN Công ty CP Sữa Việt Nam tại Đà Nẵng - Tầng 7 Tòa nhà Bưu Điện, 271 Nguyễn Văn Linh, Phường Vĩnh Trung, Quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng
- 3/ CN Công ty CP Sữa Việt Nam tại Cần Thơ - Số 77-77B Võ Văn Tần, Phường Tân An, Quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

Các nhà máy sản xuất:

- 1/ Nhà máy sữa Thống Nhất - Số 12 Đặng Văn Bi, Q.Thủ Đức, TP.HCM.
- 2/ Nhà máy sữa Trường Thọ - Số 32 Đặng Văn Bi, Q.Thủ Đức, TP.HCM.
- 3/ Nhà máy sữa Dielac- Khu Công nghiệp Biên hòa I, Đồng Nai.
- 4/ Nhà máy sữa Cần Thơ - Khu Công nghiệp Trà Nóc, Cần Thơ.
- 5/ Nhà máy sữa Sài Gòn - Khu CN Tân Thới Hiệp, Q12,TP HCM.
- 6/ Nhà máy sữa Nghệ An - Đường Sào Nam, Phường Nghi Thu, TX Cửa Lò, Nghệ An.
- 7/ Nhà máy sữa Bình Định - 87 Hoàng Văn Thụ, P.Quang Trung, TP Quy Nhơn, Bình Định.
- 8/ Nhà máy nước giải khát Việt Nam - Khu Công nghiệp Mỹ Phước II, Tỉnh Bình Dương.
- 9/ Nhà máy sữa Tiên Sơn - Khu Công nghiệp Tiên Sơn, Tỉnh Bắc Ninh.
- 10/ Nhà máy sữa Đà Nẵng – Khu Công nghiệp Hòa Khánh, TP Đà Nẵng.
- 11/ Nhà máy Sữa bột Việt Nam - 9 Đại lộ Tự Do – KCN Việt Nam-Singapore, Huyện Thuận An, Tỉnh Bình Dương.
- 12/ Nhà máy Sữa Việt Nam - Khu Công nghiệp Mỹ Phước II, Tỉnh Bình Dương.

Kho vận:

- 1/ Xí nghiệp Kho Vận Hồ Chí Minh - Số 32 Đặng Văn Bi, Q.Thủ Đức, TP.HCM.
- 2/ Xí nghiệp Kho Vận Hà Nội – Km 10 Quốc lộ 5, Xã Dương Xá, Q Gia Lâm, Hà Nội.

Phòng khám:

Phòng khám Đa khoa An Khang – 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, Q.3, TP.HCM.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN:

1. Kỳ kế toán năm:

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG:

1. Chế độ kế toán áp dụng:

- Tập đoàn áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ban hành ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.
- Tập đoàn soạn lập các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 25 – Báo cáo tài chính hợp nhất và Kế toán các khoản đầu tư vào công ty con và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam VAS 21 – Trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

- Không có Chuẩn mực Kế toán Việt Nam mới được ban hành hoặc sửa đổi có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.
- Ban Điều hành đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế Toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Tập đoàn sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG:

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính:

- Báo cáo tài chính sử dụng đơn vị tiền tệ là đồng Việt Nam (“VND”) và được soạn lập theo Chế độ Kế toán, Chuẩn mực Kế toán, Nguyên tắc Kế toán Việt Nam được chấp nhận chung tại Việt Nam.

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

a. Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ:

Được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong báo cáo kết quả kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

b. Đối với đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ:

- Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, Tập đoàn đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ như sau :
 - + Các khoản Vốn bằng tiền, Công nợ phải thu : Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Thương mại nơi Tập đoàn mở tài khoản, có số dư ngoại tệ lớn nhất tại ngày lập Báo cáo tài chính.
 - + Các khoản Công nợ phải trả : Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng Thương mại nơi Tập đoàn mở tài khoản, có số dư ngoại tệ lớn nhất tại ngày lập Báo cáo tài chính.
- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại này được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá, số dư cuối cùng sẽ được kết chuyển vào chi phí hay doanh thu tài chính (theo thông tư 179/2012/TT-BTC).

c. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính:

Thời điểm	Ngân hàng	Tỷ giá mua	Tỷ giá bán
31/12/2015	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN.HCM	22.450 VND/USD	22.520 VND/USD
31/12/2016	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN.HCM	22.700 VND/USD	22.790 VND/USD

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

a. Tiền và nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền:

- Tiền: Bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn), tiền đang chuyển.
- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền:
 - + Các khoản tiền mặt: Căn cứ vào các phiếu thu, phiếu chi tiền mặt.
 - + Các khoản tiền gửi ngân hàng: Căn cứ vào giấy báo Nợ và báo Có của Ngân hàng kết hợp với sổ phụ hoặc bảng xác nhận số dư của các ngân hàng tại từng thời điểm.
 - + Các khoản tiền đang chuyển: Dựa vào các lệnh chuyển tiền chưa có giấy báo Nợ và giấy nộp tiền chưa có giấy báo Có.

b. Các khoản tương đương tiền:

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

a. Chứng khoán kinh doanh

- Chứng khoán kinh doanh bao gồm các loại chứng khoán nắm giữ vì mục đích kinh doanh (kể các chứng khoán có thời gian đáo hạn trên 12 tháng mua vào, bán ra để kiếm lời), như: Cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán; Các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác;
- Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:
 - + Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0)
 - + Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá trị ghi sổ theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

b. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

- Bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý căn cứ vào khả năng thu hồi của khoản đầu tư.
- Tất cả các khoản đầu tư được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

c. Các khoản cho vay

- Là các khoản cho vay theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.
- Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra.

d. Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác:

- Bao gồm các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết và các khoản đầu tư góp vốn khác với mục đích nắm giữ lâu dài.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

▪ **Công ty liên kết**

- Công ty liên kết là tất cả các doanh nghiệp trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó. Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu trên báo cáo hợp nhất. Khoản đầu tư của Tập đoàn vào công ty liên kết bao gồm lợi thế thương mại phát sinh khi đầu tư, trừ đi những khoản giảm giá tài sản lũy kế.
- Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi các công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các công ty này (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013.
- Dự phòng tổn thất vào đơn vị khác (các khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo) được căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.
- Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị hợp lý của khoản thu hồi được so với giá trị ghi sổ của khoản đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ).

5. Nguyên tắc kế toán Nợ phải thu

- Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tập đoàn.
- Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:
 - + Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán, như: Phải thu về bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý, nhượng bán tài sản (TSCĐ, BĐSĐT, các khoản đầu tư tài chính) giữa Tập đoàn và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
 - + Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, như:
 - Các khoản phải thu tạo ra doanh thu hoạt động tài chính, như: khoản phải thu về lãi cho vay, tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia;

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

- Các khoản chi hộ bên thứ ba được quyền nhận lại; Các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác;
- Các khoản phải thu không mang tính thương mại như cho mượn tài sản, phải thu về tiền phạt, bồi thường, tài sản thiếu chờ xử lý...
- Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với *Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - Doanh thu và thu nhập khác* về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ đã được xem xét, phê duyệt.
- Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo Tài chính
- Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

a. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

- Hàng tồn kho được ghi nhận trên cơ sở giá gốc là giá bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được (giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng cách lấy giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.)
- Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên cấp độ hoạt động bình thường.

b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho:

- Các loại nguyên vật liệu, nhiên liệu, vật tư phụ tùng, thành phẩm, công cụ, hàng hóa được áp dụng phương pháp bình quân gia quyền khi xác định giá xuất kho.
- Hàng tồn kho nhập khẩu trong kỳ được ghi nhận tăng theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh, khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào doanh thu, chi phí tài chính. Phần thuế nhập khẩu phải nộp được xác định theo tỷ giá tính thuế nhập khẩu của cơ quan Hải quan theo quy định của pháp luật.
- Hàng tồn kho tăng giảm trong kỳ bằng các hình thức di chuyển điều kho nội bộ sẽ được hạch toán tăng theo giá hạch toán (giá điều chuyển); phần chênh lệch giữa giá hạch toán và giá bình quân sẽ được hạch toán vào tài khoản chênh lệch. Cuối kỳ, phần chênh lệch sẽ được hạch toán vào hàng tồn kho hoặc giá vốn hàng bán (tùy thuộc vào tính chất xuất kho của hàng tồn kho này).

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:

Phương pháp kê khai thường xuyên.

d. Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Tập đoàn thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài Chính.

7. Nguyên tắc kế toán và khấu hao TSCĐ:

Tập đoàn quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

a. Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định hữu hình, vô hình:

➤ TSCĐ hữu hình:

- Giá trị tài sản cố định được thể hiện theo nguyên tắc: Nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.
- Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.
- Nguyên giá TSCĐ nhập khẩu sẽ được ghi nhận theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh, khoản chênh lệch tỷ giá trong quá trình mua sắm TSCĐ được hạch toán vào doanh thu, chi phí tài chính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu chúng thực sự cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.
- Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu chúng thực sự cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.
- Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.
- Chi phí phát triển đàn bò được vốn hóa cho đến khi chúng trưởng thành và chuyển sang thành tài sản cố định để trích khấu hao.

➤ TSCĐ vô hình:

- Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới diện tích đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ...
- Quyền sử dụng đất gồm có:
 - + Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

- + Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp
- + Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.
- Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất.
- Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm nghiệm thu và đưa phần mềm vào sử dụng.

b. Phương pháp khấu hao:

- TSCĐ hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Thời gian sử dụng hữu ích (liên quan đến tỷ lệ khấu hao) cụ thể như sau:

Nhóm loại	Thời gian (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc, thiết bị	8 - 15
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10
Gia súc	6

- TSCĐ vô hình là Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất không thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không tính khấu hao.
- TSCĐ vô hình là phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 2 – 6 năm.

8. Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

- Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, hoặc một phần của nhà hay cả nhà và đất, cơ sở hạ tầng mà Tập đoàn nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá mà không phải dùng trong sản xuất, cung cấp hàng hóa hay dịch vụ, dùng cho các mục đích quản lý hoặc bán trong kỳ sản xuất kinh doanh thông thường.
- Nguyên giá của BĐSĐT là toàn bộ các chi phí (tiền hoặc tương đương tiền) mà Tập đoàn bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được Bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành Bất động sản đầu tư đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

- Các chi phí liên quan đến Bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho Bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá Bất động sản đầu tư.
- Khấu hao: Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản qua suốt thời gian hữu dụng ước tính. Tập đoàn không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất vô thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không tính khấu hao.
- Thanh lý: Lãi và lỗ do thanh lý bất động sản đầu tư được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

9. Nguyên tắc kế toán thuế TNDN hoãn lại

- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại: Là thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được hoàn lại trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại: Được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm mà tài sản được thu hồi dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

10. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

- Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.
- Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.
- Phương pháp phân bổ chi phí trả trước tuân thủ theo nguyên tắc:
 - + Theo thời gian hữu dụng xác định: Phương pháp này áp dụng cho các khoản tiền thuê nhà, thuê đất trả trước.
 - + Theo thời gian hữu dụng quy ước: Phương pháp này áp dụng cho các khoản chi phí quảng cáo, chi phí sửa chữa lớn, công cụ dụng cụ phân bổ.

11. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả:

- Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tập đoàn.
- Các khoản nợ phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận theo nghĩa vụ thực tế phát sinh theo nguyên tắc:
 - + Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Tập đoàn và người bán (là đơn vị độc lập với Tập đoàn, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác)
 - + Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ:
 - Các khoản phải trả liên quan đến chi phí tài chính, như: khoản phải trả về lãi vay, cổ tức và lợi nhuận phải trả, chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả;
 - Các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; Các khoản tiền bên nhận ủy thác nhận của các bên liên quan để thanh toán theo chỉ định trong giao dịch ủy thác xuất nhập khẩu;
 - Các khoản phải trả không mang tính thương mại như phải trả do mượn tài sản, phải trả về tiền phạt, bồi thường, tài sản thừa chờ xử lý, phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ...
- Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng Cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày lập Báo cáo tài chính.

12. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

- Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.
- Tập đoàn theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.
- Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa.

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:

- Bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.
- Tập đoàn ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:
 - + Chi phí khuyến mãi phải trả: được trích trước chi phí theo tiến độ chương trình (chủ yếu theo tiêu thức doanh thu).
 - + Chi phí quảng cáo phải trả: được trích theo tiến độ và thời hạn của các hợp đồng thực hiện.
 - + Chi phí thuê nhà, đất phải trả: trích trước theo thời gian thực hiện của hợp đồng.
 - + Các chi phí phải trả khác theo nội dung hợp đồng quy định.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

- Giá trị của khoản dự phòng phải trả được ghi nhận trên các ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ cuối kỳ kế toán.
- Tập đoàn ghi nhận các khoản dự phòng phải trả theo các nội dung chính sau:
 - + Dự phòng trợ cấp thôi việc theo quy định của Luật Bảo Hiểm Xã Hội và các văn bản hướng dẫn hiện hành
 - + Dự phòng sửa chữa, bảo dưỡng TSCĐ định kỳ (theo yêu cầu kỹ thuật)
 - + Dự phòng phải trả khác

15. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

- Doanh thu chưa thực hiện gồm: doanh thu nhận trước (như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, cơ sở hạ tầng, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ); và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác (như: khoản chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống...); không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Tập đoàn chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.
- Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số kỳ đã thu tiền trước.

16. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Tập đoàn bao gồm:

- Vốn góp của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

- + Vốn góp của chủ sở hữu được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu đồng thời được theo dõi chi tiết đối với cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết và cổ phiếu ưu đãi. Hiện tại Tập đoàn chỉ có cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết.
- + Thặng dư vốn cổ phần: là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu; chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.
- Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản.
- Lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.
- Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty
- Các quỹ thuộc Vốn chủ sở hữu được trích lập dựa trên Điều lệ của Công ty như sau:
 - + Quỹ đầu tư phát triển trích 10% lợi nhuận sau thuế.
 - + Quỹ khen thưởng phúc lợi trích 10% lợi nhuận sau thuế.
- Việc sử dụng các quỹ nói trên phải được sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc tùy thuộc vào bản chất và qui mô của nghiệp vụ đã được nêu trong Điều lệ và Quy chế Quản lý Tài chính của Công ty.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

- Đối với hàng hóa, thành phẩm: Doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.
- Đối với dịch vụ: Doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.
- Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia: Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.
 - + Tiền lãi: Doanh thu được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.
 - + Cổ tức và lợi nhuận được chia: Doanh thu được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

18. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

- Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:
 - + Chiết khấu thương mại: là khoản bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn, không bao gồm khoản chiết khấu thương mại cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng
 - + Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
 - + Hàng bán bị trả lại: do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.
- Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Tập đoàn ghi nhận theo nguyên tắc:
 - + Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính : ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo.
 - + Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính : ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

19. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

- Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong kỳ (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư...) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong kỳ.
- Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

20. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:
 - + Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
 - + Lỗ đầu tư chứng khoán : Được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.
- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.
- Chi phí góp vốn liên doanh liên kết, chuyển nhượng chứng khoán: theo thực tế phát sinh.

- Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

21. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.
 - + Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
 - + Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các kỳ trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.
- Tập đoàn có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 16,5% đến 40% trên thu nhập chịu thuế, tùy ngành nghề kinh doanh của các nhà máy sản xuất.

22. Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Tập đoàn phân loại các công cụ tài chính như sau:

a. Tài sản tài chính

- **Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Điều hành phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - Tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp loại tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

➤ Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Tập đoàn xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các tài sản tài chính đã được Tập đoàn xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

➤ Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- Các khoản mà Tập đoàn có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Tập đoàn xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản được Tập đoàn xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

➤ Tài sản sẵn sàng để bán

Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- Các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- Các khoản cho vay và các khoản phải thu.

b. Nợ phải trả tài chính

➤ **Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Điều hành phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
 - Được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

➤ **Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ**

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

23. Hợp nhất báo cáo

➤ **Công ty con**

- Công ty con là những doanh nghiệp mà Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Tập đoàn có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không. Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày quyền kiểm soát đã chuyển giao cho Tập đoàn. Việc hợp nhất chấm dứt kể từ lúc quyền kiểm soát không còn.
- Phương pháp kế toán mua được Tập đoàn sử dụng để hạch toán việc mua công ty con. Chi phí mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, công cụ vốn được phát hành và các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận tại ngày diễn ra việc trao đổi, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua. Các tài sản xác định được, nợ phải trả và những khoản nợ tiềm tàng đã

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

được thừa nhận khi hợp nhất kinh doanh được xác định trước hết theo giá trị hợp lý tại ngày mua không kể đến lợi ích của cổ đông thiểu số. Khoản vượt trội giữa chi phí mua so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị tài sản thuần được xem là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu bên mua trong giá trị hợp lý tài sản thuần lớn hơn chi phí mua, phần chênh lệch được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- Giao dịch, công nợ và các khoản lãi, các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh giữa các công ty trong cùng Tập đoàn được loại trừ khi hợp nhất. Chính sách kế toán của công ty con cũng thay đổi nếu cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán đang được Tập đoàn áp dụng.

➤ Nghệp vụ và lợi ích của cổ đông không kiểm soát

- Tập đoàn áp dụng chính sách cho các nghiệp vụ đối với cổ đông không kiểm soát giống như nghiệp vụ với các bên không thuộc Tập đoàn. Khoản lãi hoặc lỗ từ việc bán bớt cổ phần cho cổ đông không kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Việc mua cổ phần từ cổ đông không kiểm soát sẽ tạo ra lợi thế thương mại, là sự chênh lệch giữa khoản tiền thanh toán và phần giá trị tài sản thuần thể hiện trên sổ sách của công ty con.

➤ Công ty liên kết

- Công ty liên kết là tất cả các công ty trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó. Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Khoản đầu tư của Tập đoàn vào công ty liên kết bao gồm lợi thế thương mại phát sinh khi đầu tư, trừ đi những khoản giảm giá tài sản lũy kế.
- Lợi nhuận của Tập đoàn được chia sau khi đầu tư vào công ty liên kết sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, và phần chia của biến động trong các quỹ dự trữ sau khi đầu tư vào công ty liên kết sẽ được ghi nhận vào quỹ dự trữ hợp nhất. Các khoản thay đổi lũy kế sau khi đầu tư vào công ty liên kết được điều chỉnh vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Khi phần lỗ trong liên kết bằng hoặc vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết, Tập đoàn sẽ không ghi nhận khoản lỗ vượt đó trừ khi đã phát sinh nghĩa vụ hoặc đã thanh toán hộ cho công ty liên kết.
- Các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện của các nghiệp vụ nội bộ giữa Tập đoàn với công ty liên kết sẽ được giảm trừ vào lãi đầu tư vào công ty liên kết. Các chính sách kế toán của công ty liên kết được thay đổi khi cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách mà Tập đoàn áp dụng.

V. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH:

Các nhân tố rủi ro tài chính :

- Tập đoàn đánh giá những rủi ro sau từ việc sử dụng các công cụ tài chính:
 - Rủi ro thị trường
 - Rủi ro thanh khoản
 - Rủi ro tín dụng
- Ban Điều hành chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Điều hành thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Tập đoàn phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Tập đoàn.

1. Rủi ro thị trường

- Rủi ro thị trường là rủi ro giá trị hợp lý hoặc lưu chuyển tiền tệ tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo sự biến động của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại rủi ro: rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá cả khác. Mục tiêu quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát rủi ro mà Tập đoàn có thể gặp phải trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hoá lợi nhuận.

a. Rủi ro tiền tệ

- Tập đoàn phải chịu rủi ro tỷ giá ngoại hối trong các giao dịch mua bán sử dụng đơn vị tiền tệ khác đồng Việt Nam. Loại tiền tệ gây ra rủi ro này chủ yếu là USD và EUR (các loại tiền tệ khác có giao dịch không trọng yếu).
- Tập đoàn đảm bảo rằng mức độ rủi ro tiền tệ thuần được duy trì ở mức chấp nhận được bằng cách mua bán ngoại tệ theo tỷ giá giao ngay trong trường hợp cần thiết để giải quyết tình trạng mất cân đối trong ngắn hạn đồng thời lập kế hoạch thanh toán bằng ngoại tệ với mức độ chính xác cao nhất có thể. Trong năm, Ban Điều hành có quyết định sử dụng công cụ tài chính mua kỳ hạn USD để thanh toán nợ vay USD khi đến hạn, nhằm phòng ngừa rủi ro biến động về tỷ giá hối đoái.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

- Rủi ro tiền tệ của Tập đoàn đối với USD và EUR là như sau :

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Tiền gốc ngoại tệ		VND tương đương	
	USD	EUR	USD	EUR
Tài sản tài chính				
Tiền mặt và tiền gửi ngân hàng	793.766,71	797,30	18.018.504.317	19.013.213
Phải thu khách hàng và phải thu khác	23.235.629,42	-	527.448.787.933	-
	<u>24.029.396,13</u>	<u>797,30</u>	<u>545.467.292.250</u>	<u>19.013.213</u>
Nợ tài chính				
Phải trả người bán và các khoản nợ khác	(27.364.039,68)	(1.007.931,67)	(623.626.464.193)	(24.373.803.644)
Các khoản vay	-	-	-	-
	<u>(27.364.039,68)</u>	<u>(1.007.931,67)</u>	<u>(623.626.464.193)</u>	<u>(24.373.803.644)</u>
Mức độ rủi ro tiền tệ	<u>(3.334.643,54)</u>	<u>(1.007.134,37)</u>	<u>(78.159.171.943)</u>	<u>(24.354.790.431)</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Tiền gốc ngoại tệ		VND tương đương	
	USD	EUR	USD	EUR
Tài sản tài chính				
Tiền mặt và tiền gửi ngân hàng	22.791.962,78	19.731,04	511.679.564.411	481.733.342
Phải thu khách hàng và phải thu khác	13.886.927,06	-	311.761.512.396	-
	<u>36.678.889,84</u>	<u>19.731,04</u>	<u>823.441.076.807</u>	<u>481.733.342</u>
Nợ tài chính				
Phải trả người bán và các khoản nợ khác	(24.515.508,23)	(1.363.804,93)	(552.089.245.340)	(33.700.983.625)
Các khoản vay	-	-	-	-
	<u>(24.515.508,23)</u>	<u>(1.363.804,93)</u>	<u>(552.089.245.340)</u>	<u>(33.700.983.625)</u>
Mức độ rủi ro tiền tệ	<u>12.163.381,61</u>	<u>(1.344.073,89)</u>	<u>271.351.831.467</u>	<u>(33.219.250.283)</u>

Các tỷ giá quan trọng được áp dụng trong kỳ như sau:

	31/12/2016		31/12/2015	
	VND		VND	
	Tỷ giá bán	Tỷ giá mua	Tỷ giá bán	Tỷ giá mua
USD	22.790	22.700	22.520	22.450
EUR	24.182	23.847	24.711	24.415

- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, nếu đồng Việt Nam yếu đi/mạnh lên 1% so với đô la Mỹ trong khi các biến số khác giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận sau thuế trong năm sẽ thấp/cao hơn một khoản là

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

625.273.376 VND, chủ yếu do lỗ/lãi ngoại hối trong việc chuyển đổi các khoản phải thu và các khoản phải trả thương mại bằng đồng USD.

- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, nếu đồng VND yếu đi/mạnh lên 2% so với đồng EUR trong khi các biến số khác giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận sau thuế trong năm sẽ thấp/cao hơn một khoản là 389.676.647 VND, chủ yếu do lỗ/lãi ngoại hối trong việc chuyển đổi các khoản phải thu và các khoản phải trả thương mại bằng đồng EUR.

b. Rủi ro giá cả

- Tập đoàn có các hoạt động đầu tư vốn vào các công ty niêm yết và chưa niêm yết và chịu rủi ro biến động giá của các khoản đầu tư này. Các yếu tố rủi ro ảnh hưởng đến kết quả của các khoản đầu tư này bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của các công ty được đầu tư và điều kiện thị trường. Ban Điều hành quản lý rủi ro liên quan đến yếu tố kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của các công ty được đầu tư bằng cách chọn lựa các ngành nghề kinh doanh và các công ty để đầu tư. Yếu tố rủi ro liên quan đến điều kiện thị trường tự bản thân nó bị ảnh hưởng bởi các điều kiện kinh tế chung của Việt Nam và các hành vi của các nhà đầu tư, nằm ngoài khả năng kiểm soát của Ban Điều hành. Những yếu tố này đã dẫn đến các điều kiện thị trường biến động nhiều trong các năm vừa qua.
- Đối với các khoản đầu tư vào chứng khoán vốn niêm yết, nếu giá các chứng khoán tăng / giảm 10% trong khi tất cả các biến số khác (kể cả thuế suất) giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn sẽ không ảnh hưởng trọng yếu.

c. Rủi ro lãi suất

Các thay đổi lãi suất sẽ không ảnh hưởng trọng yếu đến lợi nhuận thuần của Tập đoàn.

2. **Rủi ro tín dụng**

- Rủi ro tín dụng là rủi ro xảy ra tổn thất tài chính đối với Tập đoàn nếu một khách hàng hay bên đối tác của một công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và chủ yếu phát sinh từ các khoản phải thu của Tập đoàn.

- Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng:

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính đã phát hành thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	31/12/2016	31/12/2015
Tiền và các khoản tương đương tiền	654.067.652.192	1.357.221.465.843
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	10.201.117.421.871	8.751.188.500.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	2.567.862.867.313	2.525.445.056.752
	13.423.047.941.376	12.633.855.022.595

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

- Tiền và các khoản tương đương tiền:

Tiền và các khoản tương đương tiền của Tập đoàn chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính có uy tín. Ban Điều hành không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Tập đoàn.

- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Tập đoàn bao gồm trái phiếu và tiền gửi có kỳ hạn. Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng được giữ chủ yếu bởi các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Điều hành không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Tập đoàn.
- Rủi ro tín dụng đầu tư vào trái phiếu của Tập đoàn bị ảnh hưởng bởi các nhân tố riêng của bên phát hành. Trong việc kiểm soát rủi ro đối với khoản mục này, Ban Điều hành của Tập đoàn đã phân tích mức độ tín nhiệm của bên phát hành trước khi mua. Ban Điều hành nhận thấy rằng bên phát hành có khả năng tài chính tốt và tin rằng rủi ro tín dụng của các công cụ nợ này là thấp.
- Trong kỳ, không có dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

- Phải thu khách hàng và phải thu khác

- Mức độ rủi ro tín dụng của Tập đoàn bị ảnh hưởng chủ yếu bởi các đặc điểm riêng biệt của từng khách hàng.
- Ban Điều hành đã thiết lập chính sách tín dụng, theo đó, mỗi khách hàng mới được đánh giá về mức độ tín nhiệm trước khi Tập đoàn đưa ra các điều kiện và điều khoản giao hàng và thanh toán. Hạn mức mua hàng được thiết lập cho từng khách hàng, thể hiện khoản tiền cao nhất mà khách hàng có thể mua mà không cần phải có sự chấp thuận của Ban Điều hành. Khách hàng nào không được thông qua xếp hạng tín nhiệm chỉ có thể giao dịch với Tập đoàn với điều kiện trả tiền trước.
- Tập đoàn sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại lớn cụ thể đối với từng khách hàng và mức độ thiệt hại tổng thể của các nhóm tài sản tài chính tương tự, được xác định khi các rủi ro này có thể đã xảy ra nhưng chưa được phát hiện. Mức độ thiệt hại tổng thể được xác định dựa trên dữ liệu thống kê về thanh toán trong quá khứ của các tài sản tài chính tương tự.

a. Các tài sản tài chính không quá hạn cũng không bị suy giảm giá trị:

- Tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư vào trái phiếu không quá hạn cũng như không bị suy giảm giá trị là các khoản tiền gửi chủ yếu tại các ngân hàng được xếp hạng tín nhiệm cao ở Việt Nam. Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác mà không quá hạn cũng như không giảm giá chủ yếu là từ các Công ty có quá trình thanh toán tốt cho Tập đoàn.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

- Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác mà không quá hạn cũng như không bị suy giảm giá trị của Tập đoàn lên đến 2.491.761.380.210 VND (tại 31/12/2015: 2.447.561.028.120 VND).

b. Tài sản tài chính quá hạn và/hoặc suy giảm giá trị:

- Không có các nhóm tài sản tài chính khác quá hạn và/hoặc suy giảm giá trị ngoại trừ các khoản phải thu.
- Các khoản phải thu quá hạn nhưng không bị suy giảm giá trị bao gồm như sau:

	31/12/2016	31/12/2015
Quá hạn 1 đến 30 ngày	81.855.992.649	96.899.185.010
Quá hạn 31 đến 60 ngày	13.755.346.112	23.779.538.115
Quá hạn 61 đến 90 ngày	3.781.593.648	3.602.627.830
Quá hạn hơn 90 ngày	778.939.970	2.661.741.428
	100.171.872.379	126.943.092.383

- Giá trị ghi sổ của các khoản phải thu được đánh giá là có suy giảm giá trị và sự tăng giảm của dự phòng suy giảm giá trị có liên quan như sau:

	31/12/2016	31/12/2015
Tổng công nợ suy giảm giá trị	4.643.578.587	3.211.964.123
Trừ : Dự phòng suy giảm giá trị	(4.168.573.420)	(3.211.964.123)
	475.005.167	-

	31/12/2016	31/12/2015
Giá trị đầu kỳ	3.211.964.123	5.917.834.434
Dự phòng tăng	2.503.289.567	36.939.471
Xóa sổ nợ phải thu khó đòi	(1.588.624.041)	(2.905.930.653)
CLTG quy đổi BCTC nước ngoài	41.943.771	163.120.871
Giá trị cuối kỳ	4.168.573.420	3.211.964.123

3. Rủi ro thanh khoản:

- Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn sẽ gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính. Chính sách của Tập đoàn là thường xuyên giám sát các yêu cầu thanh khoản hiện tại và tương lai nhằm đảm bảo Tập đoàn có thể duy trì dự trữ tiền mặt đầy đủ để có thể đáp ứng các yêu cầu thanh khoản trong ngắn hạn và trung hạn. Việc nắm giữ tiền mặt của Tập đoàn và dòng lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động được cho là đầy đủ để có thể thanh toán các khoản nợ đến hạn trong năm tài chính tới của Tập đoàn.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

- Bảng sau phân tích các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được của Tập đoàn theo thời hạn đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền không chiết khấu theo hợp đồng.

	Giá trị ghi sổ	Dòng tiền theo hợp đồng	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 2 năm	Từ 2 đến 5 năm	Trên 5 năm
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016						
- Phải trả người bán	2.561.910.262.979	2.561.910.262.979	2.561.910.262.979	-	-	-
- Phải trả người lao động	192.349.429.102	192.349.429.102	192.349.429.102	-	-	-
- Chi phí phải trả	1.025.974.683.705	1.025.974.683.705	1.025.974.683.705	-	-	-
- Phải trả ngắn hạn khác	592.099.957.922	592.099.957.922	592.099.957.922	-	-	-
- Phải trả dài hạn khác	589.208.918	589.208.918	-	589.208.918	-	-
- Vay và nợ ngắn hạn	1.332.666.200.200	1.344.537.512.722	1.344.537.512.722	-	-	-
- Vay và nợ dài hạn	326.970.398.182	364.085.654.849	15.584.306.667	8.612.380.000	330.718.570.000	9.170.398.182
	6.032.560.141.008	6.081.546.710.197	5.732.456.153.097	9.201.588.918	330.718.570.000	9.170.398.182
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015						
- Phải trả người bán	2.193.602.809.261	2.193.602.809.261	2.193.602.809.261	-	-	-
- Phải trả người lao động	452.476.117.228	452.476.117.228	452.476.117.228	-	-	-
- Chi phí phải trả	593.485.587.927	593.485.587.927	593.485.587.927	-	-	-
- Phải trả ngắn hạn khác	644.468.337.067	644.468.337.067	644.468.337.067	-	-	-
- Phải trả dài hạn khác	2.814.519.233	2.814.519.233	-	2.814.519.233	-	-
- Vay và nợ ngắn hạn	1.475.358.507.208	1.493.250.150.278	1.493.250.150.278	-	-	-
- Vay và nợ dài hạn	368.170.178.853	397.799.646.142	33.297.676.461	101.787.994.278	251.889.000.000	10.824.975.403
	5.730.376.056.777	5.777.897.167.136	5.410.580.678.222	104.602.513.511	251.889.000.000	10.824.975.403

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

4. Đo lường theo giá trị hợp lý

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán như sau:

	Thuyết minh	31/12/2016		31/12/2015	
		Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
Được phân loại là các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (*):					
- Trái phiếu	(v)	490.000.000.000	Thuyết minh (v)	490.000.000.000	Thuyết minh (v)
- Tiền gửi có kỳ hạn	(i)	9.711.117.421.871	9.711.117.421.871	8.261.188.500.000	8.261.188.500.000
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:					
- Tiền và các khoản tương đương tiền	(i)	654.067.652.192	654.067.652.192	1.357.221.465.843	1.357.221.465.843
- Phải thu khách hàng và phải thu khác	(i)	2.567.862.867.313	2.567.862.867.313	2.525.445.056.752	2.525.445.056.752
Được phân loại là tài sản tài chính sẵn sàng để bán:					
- Các khoản đầu tư ngắn hạn vào công cụ vốn chủ sở hữu niêm yết sẵn sàng để bán	(ii)	1.107.921.870	607.335.784	1.672.629.461	976.688.804
- Các khoản đầu tư ngắn hạn vào công cụ vốn chủ sở hữu chưa niêm yết sẵn sàng để bán	(iii)	24.599.616	24.599.616	82.308.247.116	10.808.824.316
- Đầu tư ngắn hạn khác	(v)	442.000.000.000	442.000.000.000	442.000.000.000	442.000.000.000
- Các khoản đầu tư dài hạn vào công cụ vốn chủ sở hữu niêm yết sẵn sàng để bán	(ii)	-	-	-	-
- Đầu tư dài hạn vào các quỹ đầu tư	(iv)	10.270.276.240	2.779.974.471	10.270.276.240	5.530.149.292
- Đầu tư dài hạn khác	(v)	1.117.200.000	Thuyết minh (v)	1.108.200.000	Thuyết minh (v)
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:					
- Phải trả người bán và phải trả khác	(i)	6.032.560.141.008	6.032.560.141.008	5.730.376.056.777	5.730.376.056.777

(*) : bao gồm các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn và dài hạn

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

i. Tiền và các khoản tương đương tiền, tiền gửi có kỳ hạn, phải thu khách hàng và phải thu khác, phải trả người bán và phải trả khác

Giá trị ghi sổ của các tài sản và nợ phải trả tài chính gần bằng với giá trị hợp lý của chúng do các công cụ này có thời gian đáo hạn ngắn.

ii. Các khoản đầu tư ngắn và dài hạn vào công cụ vốn chủ sở hữu niêm yết

Giá trị thị trường của công cụ vốn chủ sở hữu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh dựa trên giá đóng cửa của ngày giao dịch chính thức cuối cùng của kỳ/năm tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

iii. Các khoản đầu tư ngắn hạn vào công cụ vốn chủ sở hữu chưa niêm yết

Giá trị thị trường của chứng khoán vốn chưa niêm yết dựa trên giá giao dịch bình quân do 03 (ba) công ty chứng khoán cung cấp.

iv. Đầu tư dài hạn vào các quỹ đầu tư

Giá trị thị trường của các quỹ đầu tư dựa trên giá trị tài sản thuần của danh mục quỹ được xác nhận bởi công ty chứng khoán và ngân hàng giám sát được bổ nhiệm.

v. Trái phiếu doanh nghiệp ngắn hạn, đầu tư ngắn hạn khác, trái phiếu doanh nghiệp dài hạn và đầu tư dài hạn khác

Tập đoàn không xác định được giá trị hợp lý của các tài sản và nợ tài chính nhằm mục đích trình bày trên báo cáo tài chính theo Điều 28 của Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính bởi vì (i) không có giá niêm yết trên thị trường cho các tài sản và nợ tài chính này; và (ii) các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán Việt Nam không đưa ra hướng dẫn về phương pháp xác định giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá niêm yết trên thị trường. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ :**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
– Tiền mặt	1.355.443.244	1.461.134.841
– Tiền gửi ngân hàng	598.566.823.415	1.211.056.465.843
– Tiền đang chuyển	828.777	-
– Các khoản tương đương tiền	55.500.000.000	146.165.000.000
• Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng	55.500.000.000	146.165.000.000
• Cổ phiếu	-	-
• Trái phiếu, tín phiếu, kỳ phiếu	-	-
Cộng	655.423.095.436	1.358.682.600.684

2. Phải thu khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu của khách hàng ngắn hạn		
– Abdulkarim Alwan Foodstuff Trading (Llc)	429.110.901.892	203.761.695.760
– Các khoản phải thu khách hàng khác	1.762.237.556.690	1.998.634.359.543
Cộng	2.191.348.458.582	2.202.396.055.303

*Trong đó, phải thu của khách hàng là các bên liên quan:***Công ty liên kết**

- Công ty CP Apis	136.184.400	-
Cộng	136.184.400	-

3. Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	390.619.273.181	(475.005.167)	359.995.340.900	(34.409.000)
– Phải thu lãi tiền gửi	269.061.980.250	-	212.366.875.509	-
– Phải thu lãi trái phiếu, cho vay	17.595.726.029	-	16.252.054.779	-
– Phải thu người lao động	809.687.030	-	851.613.738	-
– Tạm ứng	3.185.564.959	-	2.472.642.740	-
– Ký cược, ký quỹ	9.449.358.271	-	3.413.858.029	-
– Thuế NK còn được hoàn	27.796.047.217	-	51.308.507.620	-
– Hỗ trợ, bồi thường từ Nhà cung cấp	54.797.825.720	-	54.213.539.996	-
– Phải thu khác	7.923.083.705	(475.005.167)	19.116.248.489	(34.409.000)

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

b. Dài hạn	14.609.099.414	-	15.324.688.421	-
– Ký cược, ký quỹ	8.361.414.588	-	8.077.003.595	-
– Phải thu khác	6.247.684.826	-	7.247.684.826	-
	405.228.372.595	(475.005.167)	375.320.029.321	(34.409.000)

4. Tài sản thiếu chờ xử lý

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Hàng tồn kho	-	76.396.513	-	-
Cộng	-	76.396.513	-	-

5. Nợ xấu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	1.031.046.334	-	34.409.000	-
Cộng	1.031.046.334	-	34.409.000	-

Trong đó:

	Quá hạn 1 đến 30 ngày	Quá hạn 31 đến 60 ngày	Quá hạn 61 đến 90 ngày	Quá hạn hơn 90 ngày
– Nguyễn Cao Sơn	-	-	-	950.010.334

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

6. Các khoản đầu tư tài chính**a. Chứng khoán kinh doanh**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
- Tổng giá trị cổ phiếu	1.132.521.486	631.935.400	(500.629.886)	83.980.876.577	11.785.513.120	(72.195.440.247)
trong đó chủ yếu :						
+ NH TMCP An Bình (ABB)	-	-	-	82.283.660.000	10.784.237.200	(71.499.422.800)
+ Cổ phiếu khác	1.132.521.486	631.935.400	(500.629.886)	1.697.216.577	1.001.275.920	(696.017.447)
- Tổng giá trị trái phiếu	-	-	-	-	-	-
- Các khoản đầu tư khác	442.000.000.000	442.000.000.000	-	442.000.000.000	442.000.000.000	-
+ NH TMCP Bảo Việt	442.000.000.000	442.000.000.000	-	442.000.000.000	442.000.000.000	-
Cộng	443.132.521.486	442.631.935.400	(500.629.886)	525.980.876.577	453.785.513.120	(72.195.440.247)

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn trong kỳ như sau :

	Năm nay	Năm trước
- Số đầu năm	(72.195.440.247)	(139.208.371.400)
- Trích lập dự phòng	-	(2.444.264.188)
- Hoàn nhập dự phòng	260.762.300	14.723.076.000
- Sử dụng dự phòng	71.439.561.606	54.745.741.894
- CLTG do quy đổi	(5.513.545)	(11.622.553)
Số cuối năm	(500.629.886)	(72.195.440.247)

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Tỷ lệ		Số cuối năm			Số đầu năm		
	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng
Đầu tư vào công ty liên kết			419.909.385.728	-	-	397.130.670.931	-	-
- Công ty CP Nguyên liệu thực phẩm Á Châu Sài Gòn	15,00%	15,00%	72.902.360.632	-	-	52.497.084.828	-	-
- Công ty CP APIS	18,00%	18,00%	338.642.990.088	-	-	-	-	-
- Công ty TNHH MIRAKA	22,81%	22,81%	8.364.035.008	-	-	344.633.586.103	-	-
Đầu tư vào đơn vị khác			11.387.476.240	-	(7.490.301.769)	11.378.476.240	-	(4.740.126.948)
- Quỹ đầu tư Tăng trưởng Việt Nam (VF2)			10.270.276.240	-	(7.490.301.769)	10.270.276.240	-	(4.740.126.948)
- Nhà thuốc Phòng khám An Khang			300.000.000	-	-	300.000.000	-	-
- Khác			817.200.000	-	-	808.200.000	-	-
Cộng			431.296.861.968	-	(7.490.301.769)	408.509.147.171	-	(4.740.126.948)

(*) Tại ngày báo cáo, không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này

Tình hình biến động Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn như sau

	Năm nay	Năm trước
- Số đầu năm	(4.740.126.948)	(4.857.290.601)
- Trích lập dự phòng	(2.750.174.821)	(16.201.044)
- Hoàn nhập dự phòng	-	-
- Sử dụng dự phòng	-	133.364.697
Số cuối năm	(7.490.301.769)	(4.740.126.948)

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

c. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	10.011.117.421.871	10.011.117.421.871	8.214.592.500.000	8.214.592.500.000
– Tiền gửi có kỳ hạn	9.711.117.421.871	9.711.117.421.871	8.214.592.500.000	8.214.592.500.000
– Trái phiếu	300.000.000.000	300.000.000.000	-	-
– Các khoản đầu tư khác	-	-	-	-
Dài hạn	190.000.000.000	190.000.000.000	536.596.000.000	536.596.000.000
– Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	46.596.000.000	46.596.000.000
– Trái phiếu	190.000.000.000	190.000.000.000	490.000.000.000	490.000.000.000
– Các khoản đầu tư khác	-	-	-	-
Cộng	10.201.117.421.871	10.201.117.421.871	8.751.188.500.000	8.751.188.500.000

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
– Hàng đang đi đường	634.956.689.982	-	713.368.097.247	-
– Nguyên vật liệu, nhiên liệu, vật tư kỹ thuật	2.533.783.474.836	(7.137.697.729)	2.043.030.894.819	(4.540.567.450)
– Công cụ, dụng cụ	17.581.053.761	-	14.014.670.177	-
– Chi phí SXKD dở dang	54.226.522.481	-	40.459.630.933	-
– Thành phẩm	1.202.995.232.465	(9.535.793.517)	924.779.281.514	(12.733.536.731)
– Hàng hoá	90.105.103.241	-	63.254.608.363	-
– Hàng gửi đi bán	4.791.796.832	-	28.462.136.899	-
Cộng	4.538.439.873.598	(16.673.491.246)	3.827.369.319.952	(17.274.104.181)

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Năm nay	Năm trước
- Số dư đầu năm	(17.274.104.181)	(13.124.371.843)
- Trích lập dự phòng	(20.495.989.783)	(25.106.722.157)
- Hoàn nhập dự phòng	10.690.570.501	14.757.077.585
- Sử dụng dự phòng	10.406.032.217	6.199.912.234
Số cuối năm	(16.673.491.246)	(17.274.104.181)

8. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Bò từ 12 đến 16 tháng tuổi	127.671.589.409	82.393.992.187
Tổng	127.671.589.409	82.393.992.187

9. Xây dựng cơ bản dở dang

	Năm nay	Năm trước
- Số dư đầu năm	761.285.112.786	824.432.512.321
- Tăng trong kỳ	1.044.519.335.770	1.108.947.131.917
- Chuyển sang TSCĐ hữu hình	(887.220.752.420)	(1.021.415.383.817)
- Chuyển sang TSCĐ vô hình	-	(28.197.705.229)
- Chuyển sang BĐS Đầu tư	-	-
- Chuyển sang Hàng tồn kho	(1.374.735.454)	(5.153.262.275)
- Chuyển sang CP phân bổ	(28.951.779.818)	(93.491.543.348)
- Thanh lý	(3.270.493.241)	-
- Tăng/ (Giảm) khác	(19.493.943.202)	(25.242.167.757)
- Chênh lệch do quy đổi	(52.691.813)	1.405.530.974
Số cuối năm	865.440.052.609	761.285.112.786

Trong đó có giá trị các công trình lớn đang được thực hiện như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Máy móc thiết bị - NMS Việt Nam	179.888.609.336	-
Máy móc thiết bị - NMS Sài Gòn	90.072.363.870	6.881.459.400
Máy móc thiết bị - NM Sữa Lam Sơn	30.025.233.724	202.058.180.116
Trang trại bò sữa Tây Ninh	233.475.427.576	236.872.364.848
Trang trại bò sữa Thanh Hóa 2	-	66.371.324.594

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Gia súc	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá							
Số đầu năm	2.755.511.942.189	8.550.599.129.792	751.737.636.813	484.461.722.452	436.181.269.278	81.229.339.185	13.059.721.039.709
Mua sắm mới	15.375.530.144	80.389.786.381	69.732.206.711	25.392.581.985	-	6.998.174.587	197.888.279.808
Đầu tư XDCB hoàn thành	237.131.996.651	600.105.498.867	36.874.527.437	13.108.729.465	-	-	887.220.752.420
Súc vật nuôi chuyển đàn	-	-	-	-	272.283.691.202	-	272.283.691.202
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	-	-	-
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-	-
Phân loại lại	11.839.362.577	(8.015.376.172)	-	(3.823.986.405)	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	(14.029.576.250)	(38.864.141.756)	(12.542.148.178)	(1.707.116.991)	(102.650.375.681)	(943.675.936)	(170.737.034.792)
Giảm khác	(462.424.134)	-	-	-	-	-	(462.424.134)
CLTG quy đổi BCTC nước ngoài	1.874.634.617	7.662.333.788	1.116.661.016	257.943.829	-	912.789.664	11.824.362.914
Số cuối năm	3.007.241.465.794	9.191.877.230.900	846.918.883.799	517.689.874.335	605.814.584.799	88.196.627.500	14.257.738.667.127
II. Giá trị hao mòn lũy kế							
Số đầu năm	593.380.740.026	3.857.225.278.208	314.040.785.468	304.141.447.160	134.940.947.189	60.646.340.138	5.264.375.538.189
Khấu hao	146.727.368.874	786.673.041.454	74.825.406.590	62.890.165.628	87.997.350.649	8.443.215.259	1.167.556.548.454
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-	-
Phân loại lại	2.474.487.022	1.370.858.339	-	(3.845.345.361)	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	(2.094.576.251)	(33.376.797.555)	(8.739.999.461)	(1.685.295.409)	(50.949.132.361)	(53.619.028)	(96.899.420.065)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-
CLTG quy đổi BCTC	548.463.146	4.282.751.198	590.714.860	169.362.807	-	791.715.594	6.383.007.605
Số cuối năm	741.036.482.817	4.616.175.131.644	380.716.907.457	361.670.334.825	171.989.165.477	69.827.651.963	6.341.415.674.183
III. Giá trị còn lại							
+ Số đầu năm	2.162.131.202.163	4.693.373.851.584	437.696.851.345	180.320.275.292	301.240.322.089	20.582.999.047	7.795.345.501.520
+ Số cuối năm	2.266.204.982.977	4.575.702.099.256	466.201.976.342	156.019.539.510	433.825.419.322	18.368.975.537	7.916.322.992.944

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy vi tính	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá					
+Số đầu năm	373.377.557.148	-	131.590.189.308	48.716.500.000	553.684.246.456
+Tăng trong năm					
-Mua sắm mới	-	-	1.340.358.000	-	1.340.358.000
-Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	-	-	-
-Tăng khác	-	-	-	-	-
+Giảm trong năm					
-Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
-Chuyển sang BDS Đầu tư	-	-	-	-	-
-Giảm khác	-	-	-	-	-
-CLTG quy đổi BCTC nước ngoài	2.303.678.257	-	20.245.000	542.500.000	2.866.423.257
+ Số cuối năm	375.681.235.405	-	132.950.792.308	49.259.000.000	557.891.027.713
Giá trị hao mòn					
+Số đầu năm	26.543.438.045	-	76.751.381.576	31.600.178.858	134.894.998.479
+Tăng trong năm					
-Khấu hao	2.178.493.690	-	14.312.501.244	1.394.642.240	17.885.637.174
-Tăng khác	-	-	-	-	-
+Giảm trong năm					
-Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
-Giảm khác	-	-	-	-	-
-CLTG quy đổi BCTC nước ngoài	-	-	6.119.389	374.178.902	380.298.291
+ Số cuối năm	28.721.931.735	-	91.070.002.209	33.369.000.000	153.160.933.944
Giá trị còn lại					
+ Số đầu năm	346.834.119.103	-	54.838.807.732	17.116.321.142	418.789.247.977
+ Số cuối năm	346.959.303.670	-	41.880.790.099	15.890.000.000	404.730.093.769

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

12. Bất động sản đầu tư

	Quyền sử dụng đất	Nhà	Cơ sở hạ tầng	Cộng
Nguyên giá				
+Số đầu năm	82.224.238.170	90.989.593.826	6.464.218.561	179.678.050.557
+Tăng trong kỳ				
– Mua sắm mới	-	-	-	-
– Đầu tư XD CB hoàn thành	-	-	-	-
– Chuyển từ TSCĐ	-	-	-	-
– Tăng khác	-	-	-	-
– Phân loại lại	-	-	-	-
+Giảm trong kỳ				
– Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
– Giảm khác	-	-	-	-
+ Số cuối năm	82.224.238.170	90.989.593.826	6.464.218.561	179.678.050.557
Giá trị hao mòn lũy kế				
+Số đầu năm	1.851.632.773	31.513.229.405	3.944.983.747	37.309.845.925
+Tăng trong kỳ				
– Khấu hao trong kỳ	793.556.901	3.970.679.215	630.586.190	5.394.822.306
– Tăng khác	-	-	-	-
+Giảm trong kỳ				
– Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Số cuối năm	2.645.189.674	35.483.908.620	4.575.569.937	42.704.668.231
Giá trị còn lại				
+ Số đầu năm	80.372.605.397	59.476.364.421	2.519.234.814	142.368.204.632
+ Số cuối năm	79.579.048.496	55.505.685.206	1.888.648.624	136.973.382.326

13. Lợi thế thương mại

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	142.345.015.058	160.706.939.654
Khấu hao trong kỳ	(18.361.924.596)	(18.361.924.596)
Số cuối năm	123.983.090.462	142.345.015.058

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

14. Chi phí trả trước**a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số đầu năm	Phát sinh tăng	Kết chuyển vào chi phí SXKD	Chênh lệch do quy đổi	Số cuối năm
- Chi phí triển khai phần mềm, bảo trì mạng	4.312.079.769	18.998.017.100	18.143.254.576	-	5.166.842.293
- Chi phí quảng cáo	4.448.905.912	11.014.392.905	9.716.872.380	-	5.746.426.437
- Chi phí thuê mặt bằng, vị trí	15.894.422.496	31.308.428.461	40.195.368.111	-	7.007.482.846
- Chi phí vật liệu, CCDC	10.647.392.756	62.104.551.851	47.954.020.540	9.146.319	24.807.070.386
- Chi phí cải tạo, sửa chữa lớn	5.090.144.128	12.792.268.418	15.072.813.765	-	2.809.598.781
- Chi phí khác	115.663.549.445	329.581.606.458	431.584.357.477	90.134.678	13.750.933.104
Cộng	156.056.494.506	465.799.265.193	562.666.686.849	99.280.997	59.288.353.847

b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Phát sinh tăng	Kết chuyển vào chi phí SXKD	Kết chuyển giảm khác	Chênh lệch do quy đổi	Số cuối năm
- Tiền thuê đất, cơ sở hạ tầng	209.761.204.943	30.381.271.996	7.452.961.053	-	367.836.790	233.057.352.676
- Chi phí CCDC	145.952.090.873	123.255.853.848	83.992.013.504	1.306.566.174	11.923.961	183.921.289.004
- Chi phí trả trước dài hạn khác	61.616.544.445	36.275.817.389	55.494.401.960	208.000	18.663.475	42.416.415.349
Cộng	417.329.840.261	189.912.943.233	146.939.376.517	1.306.774.174	398.424.226	459.395.057.029

15. Phải trả người bán

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán ngắn hạn	2.561.910.262.979	2.561.910.262.979	2.193.602.809.261	2.193.602.809.261
- Công ty CP truyền thông Đất Việt VAC	185.303.454.839	185.303.454.839	382.779.457.871	382.779.457.871
- Phải trả cho các đối tượng khác	2.376.606.808.140	2.376.606.808.140	1.810.823.351.390	1.810.823.351.390

Trong đó, Phải trả người bán là các bên liên quan:

Công ty liên kết	8.760.950.000	8.760.950.000	74.684.584.840	74.684.584.840
- Miraka Limited	-	-	74.684.584.840	74.684.584.840
- Công ty CP Apis	8.760.950.000	8.760.950.000	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

16. Vay và Nợ thuê tài chính

	Số cuối năm		Trong năm			Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Chênh lệch tỷ giá do quy đổi BCTC nước ngoài	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	1.332.666.200.200	1.332.666.200.200	4.004.463.224.432	(4.148.129.782.535)	974.251.095	1.475.358.507.208	1.475.358.507.208
– Vay ngắn hạn ngân hàng	1.287.266.200.200	1.287.266.200.200	3.959.777.224.432	(4.126.501.758.535)	363.827.095	1.453.626.907.208	1.453.626.907.208
– Vay dài hạn đến hạn trả	45.400.000.000	45.400.000.000	44.686.000.000	(21.628.024.000)	610.424.000	21.731.600.000	21.731.600.000
Vay dài hạn	326.970.398.182	326.970.398.182	67.421.912.160	(111.916.533.064)	3.294.840.233	368.170.178.853	368.170.178.853
– Vay dài hạn ngân hàng	317.800.000.000	317.800.000.000	67.029.000.000	(109.869.043.683)	3.294.840.233	357.345.203.450	357.345.203.450
– Nợ dài hạn	9.170.398.182	9.170.398.182	392.912.160	(2.047.489.381)	-	10.824.975.403	10.824.975.403
Cộng	1.659.636.598.382	1.659.636.598.382	4.071.885.136.592	(4.260.046.315.599)	4.269.091.328	1.843.528.686.061	1.843.528.686.061

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	CLTG do quy đổi BCTC nước ngoài	Số cuối năm
- Thuế GTGT hàng bán nội địa	109.788.391.346	1.625.180.510.993	1.683.632.999.923	24.520.644	51.360.423.060
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	3.803.571.776	370.523.410.104	365.172.681.862	-	9.154.300.018
- Thuế GTGT nhà thầu	-	2.968.684.728	2.727.362.954	-	241.321.774
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	395.698.312	1.120.222.163	1.224.538.055	2.739.664	294.122.084
- Thuế xuất, nhập khẩu	3.233.139.248	141.943.317.441	143.195.765.072	(6.283.555)	1.974.408.062
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	62.789.950.010	1.883.267.418.844	1.771.242.504.991	(43.122.752)	174.771.741.111
- Thuế thu nhập doanh nghiệp nhà thầu	-	7.958.433.465	6.836.337.324	-	1.122.096.141
- Thuế thu nhập cá nhân	31.591.679.683	326.775.938.553	343.451.370.897	950.900	14.917.198.239
- Thuế tài nguyên	35.053.430	697.374.333	668.818.465	-	63.609.298
- Thuế nhà đất	-	1.110.018	1.110.018	-	-
- Tiền thuê đất	-	6.813.934.274	6.813.934.274	-	-
- Các loại thuế khác	4.170.327.209	2.984.390.214	5.540.842.388	(2.963.962)	1.610.911.073
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	27.909.363.710	27.909.363.710	-	-
Cộng	215.807.811.014	4.398.144.108.840	4.358.417.629.933	(24.159.061)	255.510.130.860

18. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Khuyến mại, hỗ trợ chi phí bán hàng	584.298.882.216	303.628.936.160
- Chi phí thuê ụ, kệ, hộp đèn, vị trí trưng bày	922.786.364	740.454.553
- Chi phí quảng cáo	170.814.940.905	54.006.437.728
- Chi phí vận chuyển	77.412.131.182	58.991.919.668
- Chi phí bảo trì và sửa chữa	11.769.500.442	47.714.730.252
- Chi phí lãi vay	21.082.620.101	8.786.890.362
- Chi phí nhiên liệu	13.959.796.579	13.355.140.533
- Chi phí nhân công thuê ngoài	62.494.315.062	34.667.035.675
- Chi phí phải trả khác	83.219.710.854	71.594.042.996
Cộng	1.025.974.683.705	593.485.587.927

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

19. Doanh thu chưa thực hiện

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
a. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		
– Doanh thu nhận trước	3.360.079.979	1.350.893.817
b. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		
– Doanh thu nhận trước	1.663.272.218	2.598.840.218
Cộng	5.023.352.197	3.949.734.035

20. Các khoản phải trả khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
a. Các khoản phải trả ngắn hạn khác	592.099.957.922	644.468.337.067
– BHXH, BHYT, BHTN	19.680.495	599.609.452
– Kinh phí công đoàn	709.099.419	646.867.017
– Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	71.249.658.216	63.776.967.568
– Tiền, vật tư, hàng hóa tạm mượn	8.189.608.390	22.824.654.805
– Phải trả khác về đầu tư tài chính	448.007.419.155	448.007.419.155
– Cổ tức phải trả	4.003.285.748	-
– Thuế Nhập khẩu phải trả (SX – Hàng XK)	42.613.702.494	58.076.771.700
– Các khoản phải trả, phải nộp khác	17.307.504.005	50.536.047.370
b. Các khoản phải trả dài hạn khác	589.208.918	2.814.519.233
– Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	-	-
– Các khoản phải trả, phải nộp khác	589.208.918	2.814.519.233
Cộng	592.689.166.840	647.282.856.300

21. Dự phòng phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
a. Dự phòng phải trả ngắn hạn		
– Dự phòng sửa chữa, bảo dưỡng TSCĐ	889.995.571	2.420.017.605
b. Dự phòng phải trả dài hạn		
– Dự phòng trợ cấp thôi việc	95.960.585.167	87.325.705.000
Cộng	96.850.580.738	89.745.722.605

22. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số dư đầu kỳ	405.464.362.576	355.719.314.789
Trích lập quỹ	924.744.180.232	768.905.099.077
Sử dụng trong kỳ	(873.423.166.258)	(719.160.051.290)
Số cuối năm	456.785.376.550	405.464.362.576

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

23. Vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	1	2	3	4	5	6	7	8
Số dư đầu năm trước	10.006.413.990.000	-	(5.388.109.959)	(161.099.075)	2.521.718.366.944	7.157.699.467.945	119.953.867.653	19.800.236.483.508
- Tăng vốn năm trước	2.000.207.940.000	-	-	-	-	(2.000.207.940.000)	107.476.398.854	107.476.398.854
- Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	7.773.409.631.243	(3.856.879.546)	7.769.552.751.697
- Trích lập các quỹ	-	-	-	-	769.488.863.029	(1.538.393.962.106)	-	(768.905.099.077)
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	-
- Cổ tức	-	-	-	-	-	(6.000.711.624.000)	(1.549.950.354)	(6.002.261.574.354)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-	1.863.569.438	1.863.569.438
- CLTG do quy đổi BCTC nước ngoài	-	-	-	8.490.698.397	-	-	7.462.519.122	15.953.217.519
Số dư đầu năm nay	12.006.621.930.000	-	(5.388.109.959)	8.329.599.322	3.291.207.229.973	5.391.795.573.082	231.349.525.167	20.923.915.747.585
- Tăng vốn trong kỳ	2.507.912.360.000	260.699.620.761	5.388.109.959	-	(2.419.035.050.000)	-	-	354.965.040.720
- Mua lại lợi ích của Cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	(62.222.774.839)	(5.922.583.589)	(68.145.358.428)
- Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(1.176.335.920)	-	-	-	-	(1.176.335.920)
- Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	9.350.329.130.383	13.500.647.107	9.363.829.777.490
- Trích lập các quỹ	-	-	-	-	924.847.745.615	(1.849.591.925.847)	-	(924.744.180.232)
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	-
- Cổ tức	-	-	-	-	-	(7.238.478.492.000)	(4.003.285.748)	(7.242.481.777.748)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-
- CLTG do quy đổi BCTC nước ngoài	-	-	-	(2.674.905.869)	-	-	2.461.280.987	(213.624.882)
Số cuối năm	14.514.534.290.000	260.699.620.761	(1.176.335.920)	5.654.693.453	1.797.019.925.588	5.591.831.510.779	237.385.583.924	22.405.949.288.585

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Chi tiết vốn góp của Chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vốn đầu tư của Nhà nước	5.708.566.336.257	5.408.983.179.465
- Vốn góp của cổ đông khác	8.805.967.953.743	6.597.638.750.535
- Thặng dư vốn cổ phần	260.699.620.761	-
- Cổ phiếu quỹ	(1.176.335.920)	(5.388.109.959)
Cộng	14.774.057.574.841	12.001.233.820.041

Các giao dịch về vốn với các Chủ sở hữu và phân phối cổ tức và lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	12.006.621.930.000	10.006.413.990.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	2.507.912.360.000	2.000.207.940.000
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	14.514.534.290.000	12.006.621.930.000

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.451.453.429	1.200.662.193
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.451.453.429	1.200.662.193
- Cổ phiếu phổ thông	1.451.453.429	1.200.662.193
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	(27.100)	(522.795)
- Cổ phiếu phổ thông	(27.100)	(522.795)
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.451.426.329	1.200.139.398
- Cổ phiếu phổ thông	1.451.426.329	1.200.139.398
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT :****1. Doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	46.965.003.101.825	40.222.599.525.948
• Doanh thu bán hàng hóa	1.724.189.208.675	759.227.375.698
• Doanh thu bán thành phẩm	45.088.795.081.554	39.316.828.133.077
• Doanh thu cung cấp dịch vụ	58.757.721.588	50.347.479.867
• Doanh thu kinh doanh bất động sản	15.348.087.988	14.338.329.179
• Doanh thu kinh doanh khác	77.913.002.020	81.858.208.127
Các khoản giảm trừ doanh thu:	170.663.701.551	142.215.015.202
• Chiết khấu thương mại	648.096.440	613.913.938
• Giảm giá hàng bán	46.977.093.895	2.169.545.595
• Hàng bán bị trả lại	123.038.511.216	139.431.555.669
Doanh thu thuần	46.794.339.400.274	40.080.384.510.746
<i>Trong đó:</i>		
• Doanh thu thuần bán hàng hóa, thành phẩm	46.720.233.590.698	40.015.698.701.700
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	74.105.809.576	64.685.809.046

Trong đó doanh thu với các bên liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty liên kết		
– Cty CP Nguyên Liệu Thực Phẩm Á Châu Sài Gòn	5.912.758.807	523.158.947
– Công ty CP Apis	445.512.000	-
Cộng	6.358.270.807	523.158.947

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.418.989.239.429	431.399.465.197
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	21.872.624.507.790	21.535.782.480.054
- Giá vốn của thành phẩm đã khuyến mại	1.138.195.464.367	1.810.896.557.255
- Giá vốn của dịch vụ	9.148.398.155	5.297.368.026
- Chi phí hoạt động của bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê	9.386.311.293	8.283.134.306
- Chi phí hao hụt, mất mát hàng tồn kho	-	-
- Chi phí hoạt động dưới công suất	484.055.679	15.960.919.100
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	9.805.419.282	10.349.644.572
Cộng	24.458.633.395.995	23.817.969.568.510

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi	620.334.192.891	530.652.635.439
- Lãi trái phiếu	38.593.671.250	27.693.150.666
- Cổ tức	980.729.583	93.233.390
- Lãi đầu tư chứng khoán	8.030	77.215.600
- Chênh lệch tỷ giá	62.198.403.527	90.139.210.435
- Khác	453.769.982	326.296.508
Cộng	722.560.775.263	648.981.742.038

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí lãi vay	46.499.350.049	31.277.451.964
- Chi phí lãi cho các khoản ký quỹ nhận được	2.389.947.521	2.263.051.997
- Lỗ đầu tư chứng khoán	1.470.577.500	-
- Phí giao dịch mua bán chứng khoán	16.047.809	248.430.803
- Chênh lệch tỷ giá	49.553.805.011	141.526.644.713
- Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	(260.762.300)	(12.278.811.812)
- Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	2.750.174.821	16.201.044
- Chiết khấu thanh toán	-	(273.015.418)
- Khác	31.173.160	60.154.648
Cộng	102.450.313.571	162.840.107.939

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

5. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
- Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	51.095.907.908	44.020.557.044
- Thu nhập từ thanh lý xây dựng cơ bản dở dang	2.785.368.565	-
- Bồi thường nhận từ các bên khác	4.356.970.526	11.881.210.135
- Thu hỗ trợ từ nhà cung cấp	100.525.060.680	79.652.573.289
- Thu từ các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ	214.163.028	508.064.910
- Thu từ các khoản thuế được hoàn	-	467.277
- Thu nhập khác	23.344.130.537	30.209.367.684
Cộng	182.321.601.244	166.272.240.339

6. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
- Giá trị còn lại của TSCĐ đã thanh lý	73.837.614.727	56.205.337.362
- Chi phí thanh lý TSCĐ	87.143.679	19.976.000
- Giá trị còn lại của xây dựng cơ bản dở dang đã thanh lý	3.270.493.241	-
- Chi phạt do vi phạm hợp đồng	31.463.632	15.310.000
- Thuế bị phạt, bị truy thu	4.116.644.297	3.950.980.091
- Chi phí khác	23.642.330.307	10.165.932.922
Cộng	104.985.689.883	70.357.536.375

7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	18.628.772.456.134	18.812.924.190.885
- Chi phí nhân công	1.996.826.287.370	2.081.129.447.067
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.190.109.115.617	1.097.075.552.737
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.092.594.477.113	1.871.562.626.528
- Chi phí khác	10.746.432.440.371	6.967.546.379.161
Cộng	34.654.734.776.605	30.830.238.196.378

*Trong đó bao gồm :***Chi phí sản xuất :**

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	18.578.133.524.711	18.752.395.595.731
- Chi phí nhân công	1.037.824.942.994	916.945.360.385
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.063.346.183.546	980.567.542.742

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	832.615.035.178	717.935.677.886
- Chi phí khác	192.615.104.575	161.268.264.205
Cộng	21.704.534.791.004	21.529.112.440.949

Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí cho nhân viên	585.790.673.617	532.045.832.820
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	37.395.046.161	42.207.833.043
- Chi phí dụng cụ đồ dùng bán hàng	109.854.577.568	83.076.859.040
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	38.765.880.497	35.163.159.190
- Chi phí bảo hành	37.765.793.197	27.852.721.760
- Chi phí vận chuyển hàng bán	599.832.336.441	600.604.238.763
- Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	327.632.222.918	266.802.880.266
- Chi phí quảng cáo, nghiên cứu thị trường	2.074.503.973.229	1.807.132.731.558
- Chi phí dịch vụ khuyến mại, trưng bày, giới thiệu sản phẩm, hỗ trợ bán hàng	6.947.212.488.627	2.862.620.363.693
Cộng	10.758.752.992.255	6.257.506.620.133

Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí cho nhân viên	373.210.670.759	632.138.253.862
- Chi phí vật liệu quản lý	13.243.885.262	18.028.724.493
- Chi phí đồ dùng văn phòng	15.927.230.346	15.633.222.516
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	87.997.049.837	81.344.851.071
- Thuế, phí, lệ phí	19.815.382.621	20.831.262.533
- Chi phí dự phòng	12.533.717.997	11.659.260.803
- Chi phí vận chuyển hàng nội bộ	42.113.499.607	46.856.620.341
- Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	279.820.861.164	228.283.691.069
- Chi phí nhập hàng	22.111.996.989	23.293.724.175
- Công tác phí	47.244.388.376	35.496.668.568
- Chi phí dịch vụ ngân hàng	10.354.479.579	8.687.186.125
- Chi phí khác bằng tiền	128.878.366.441	110.469.112.485
Cộng	1.053.251.528.978	1.232.722.578.041

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	9.350.329.130.383	7.773.409.631.243
- Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
• <i>Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
• <i>Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị hợp lý của khoản thanh toán cho người sở hữu với giá trị ghi sổ của cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
• <i>Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị hợp lý của cổ phiếu phổ thông hoặc các khoản thanh toán khác thực hiện theo điều kiện chuyển đổi có lợi</i>	-	-
• <i>Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị ghi sổ của cổ phiếu ưu đãi với giá trị hợp lý của khoản thanh toán cho người sở hữu</i>	-	-
- Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	9.350.329.130.383	7.773.409.631.243
- Số trích quỹ Khen thưởng phúc lợi	924.744.180.232	768.905.099.077
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	1.444.976.498	1.440.167.278
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.831	4.864

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	1.200.139.398	1.000.118.604
- Ảnh hưởng của cổ phiếu thưởng phát hành trong năm	244.839.078	440.048.674
- Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại trong năm	(1.978)	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	1.444.976.498	1.440.167.278

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan:

Cổ đông lớn nhất của Công ty là Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước (“SCIC”), sở hữu 39,33% vốn điều lệ của Công ty. SCIC được kiểm soát bởi Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam.

Trong kỳ, các nghiệp vụ sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

i) Mua hàng hóa và dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty liên kết:		
– Công ty TNHH Miraka	24.586.164.960	456.404.881.496
– Công ty CP Apis	21.767.504.800	-
	46.353.669.760	456.404.881.496

ii) Các khoản chi cho các chức trách quản lý chủ chốt

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lương và các quyền lợi gộp khác của thành viên Hội Đồng Quản trị và Ban Điều hành	90.786.063.749	67.282.713.861

i) Chi trả cổ tức:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước (SCIC)	3.246.324.480.000	2.705.270.400.000

2. Thông tin về bộ phận

CHỈ TIÊU	Quý IV năm 2016		Quý IV năm 2015	
	Trong nước	Nước ngoài	Trong nước	Nước ngoài
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	9.421.768.057.521	2.416.499.470.400	8.282.229.264.600	2.071.679.161.880
2. Các khoản giảm trừ	(12.440.498.056)	(18.216.280.359)	(25.161.003.530)	(13.835.894.629)
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (3 = 1 + 2)	9.409.327.559.465	2.398.283.190.041	8.257.068.261.070	2.057.843.267.251
4. Giá vốn hàng bán	(5.175.721.491.026)	(1.151.594.208.549)	(4.788.381.181.363)	(1.110.142.900.225)
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (5 = 3 + 4)	4.233.606.068.439	1.246.688.981.492	3.468.687.079.707	947.700.367.026

CHỈ TIÊU	Năm 2016		Năm 2015	
	Trong nước	Nước ngoài	Trong nước	Nước ngoài
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	38.221.848.182.556	8.743.154.919.269	32.257.355.044.017	7.965.244.481.932
2. Các khoản giảm trừ	(123.075.498.677)	(47.588.202.874)	(96.449.806.725)	(45.765.208.477)
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (3 = 1 + 2)	38.098.772.683.879	8.695.566.716.395	32.160.905.237.292	7.919.479.273.455
4. Giá vốn hàng bán	(20.065.856.588.756)	(4.392.776.807.239)	(19.261.905.095.133)	(4.556.064.473.377)
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (5 = 3 + 4)	18.032.916.095.123	4.302.789.909.156	12.899.000.142.158	3.363.414.800.078

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

3. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ:

Ngày 19 tháng 01 năm 2017, Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam đã nhận được Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 25, ngày 18 tháng 01 năm 2017 do Sở Kế hoạch Đầu tư Tp.HCM cấp. Theo đó Công ty TNHH MTV Sữa Lam Sơn được sáp nhập vào Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (trước khi sáp nhập là Công ty con 100% vốn của Vinamilk).

4. Trình bày lại thông tin tài chính đã công bố:

- Công ty thực hiện phân loại lại nội dung Giá vốn hàng bán và Chi phí bán hàng tại Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và bán niên đã công bố trong 9 tháng đầu năm 2016: do trong năm, Công ty có thay đổi hình thức thanh toán hoàn trả cho khách hàng (nhà phân phối) chi phí khuyến mại mua sản phẩm tặng sản phẩm cho khách hàng (điểm bán, người tiêu dùng). Theo hướng dẫn tại Thông tư 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp: "...chi phí khuyến mại bằng sản phẩm (xuất sản phẩm để khuyến mại) kèm theo các điều kiện khác như phải mua sản phẩm, hàng hóa (ví dụ như mua 2 sản phẩm được tặng 1 sản phẩm....) thì giá trị hàng khuyến mại được tính vào giá vốn hàng bán", các trường hợp khác chi phí khuyến mại được tính vào chi phí bán hàng..
- Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất lũy kế 9 tháng năm 2016 trình bày lại các chỉ tiêu sau :

Chỉ tiêu	Mã số	Lũy kế 9 tháng năm 2016	
		Đã công bố	Trình bày lại
4. Giá vốn hàng bán	11	20.189.193.823.983	18.131.317.696.420
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	14.797.534.826.785	16.855.410.954.348
8. Chi phí bán hàng	24	5.508.386.751.196	7.566.262.878.759
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	9.014.727.363.287	9.014.727.363.287

Lập ngày 25 tháng 01 năm 2017,

Người lập

Nguyễn Đức Diệu Thơ

Q.Giám đốc điều hành Tài Chính
kiêm Kế toán trưởng

Lê Thành Liêm

Tổng Giám đốc



Mai Kiều Liên